TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2017
V/v "tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Hân Em

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: không tham gia.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2017/TLST-HNGĐ ngày 09/02/2017 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 12/7/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Tây Bình B, xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: anh **Phạm Ngọc N**, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đông An, xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 09/02/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày: tôi và anh Phạm Ngọc N chung sống với nhau từ năm 2004, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn vào ngày 15/10/2008. Sau khi kết hôn, chúng tôi sống hạnh phúc, đến năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cuộc sống quá khó khăn, anh N phải đi làm ăn xa, lâu lâu mới về thăm tôi và con nên dần dần tình cảm giữa tôi với anh N không còn. Do vậy, chúng tôi đã sống ly thân gần 04 năm nay. Nay, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: tôi yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Ngọc N.

- Về con chung: tôi với anh N có 01 con chung tên Phạm Ngọc N Q, sinh ngày 08/6/2005, hiện đang sống với anh N. Sau khi ly hôn, tôi đồng ý giao cháu Q cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng. Tôi đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Về phía bị đơn anh Phạm Ngọc N: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Phạm Ngọc N đến lần thứ hai nhưng anh N đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phạm Ngọc N có địa chỉ tại ấp Đông An, xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Phạm Ngọc N để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đồng thời tham dự phiên tòa. Tuy nhiên, anh N đều vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[3] Về nội dung: chị Nguyễn Thị A với anh Phạm Ngọc N chung sống với nhau từ năm 2004, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 121, ngày 15/10/2008. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị A, Hội đồng xét xử xét thấy: chị A với anh N chung sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu. Đến năm 2012 đã xảy ra mâu thuẫn, do anh chị bất đồng quan điểm sống và đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Về phía anh N, kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N, tạo điều kiện cho anh hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị A nhưng anh không đến tham gia các phiên hòa giải; anh N cũng không có văn bản nào thể hiện nguyện vọng muốn được hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị A để xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm sóc, giáo dục con chung. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị A với anh N mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị A.

[4] Về quan hệ con chung: chị A với anh N con 01 chung tên Phạm Ngọc N Q, sinh ngày 18/6/2005, hiện đang sống chung với anh N. Sau khi ly hôn, chị A đồng ý giao cháu Q cho anh N nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của

pháp luật. Xét thấy, cháu Phạm Ngọc N Q đang sống chung với anh N. Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai ngày 11/4/2017, nguyện vọng của cháu Q muốn được sống với anh N. Như vậy, cuộc sống của cháu Q đã ổn định, thích nghi với môi trường sống hiện tại. Do vậy, để tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của cháu Q, nên cần giao cháu Phạm Ngọc N Q cho anh N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị A được quyền đến thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, chị A đồng ý cấp dưỡng nuôi con nhưng mức cấp dưỡng thì chị yêu cầu Tòa án quyết định. Xét thấy, chị A đồng ý cấp dưỡng nuôi con nhưng không đưa ra cụ thể mức cấp dưỡng. Do đó, cần buộc chị Nguyễn Thị A có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Phạm Ngọc N Q với số tiền tương đương ½ mức lương tối thiểu hiện hành theo quy định pháp luật, đến khi cháu Q đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Tuy nhiên, khi cần thiết thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: không có.

[7] Do chị Nguyễn Thị A yêu cầu giải quyết ly hôn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 cuả Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Phạm Ngọc N.

- Về quan hệ con chung: có 01 con chung tên Phạm Ngọc N Q, sinh ngày 18/6/2005.

+ Giao cháu Phạm Ngọc N Q cho anh Phạm Ngọc N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (hiện cháu Q đang sống chung với anh N).

+ Chị Nguyễn Thị A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Ngọc N Q, mức cấp dưỡng bằng ½ mức lương tối thiểu chung do Nhà nước quy định tại thời điểm cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng, thời hạn cấp dưỡng được tính từ ngày 31/7/2017 cho đến khi cháu Phạm Ngọc N Q đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

+ Chị Nguyễn Thị A có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: ghi nhận chị Nguyễn Thị A xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị A và anh N vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002963 ngày 09/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, như vậy chị Nguyễn Thị A còn phải nộp 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hân Em